

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 65/2023/DS-ST

Ngày: 09-6-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đình Ngân;

2. Ông Nguyễn Văn Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư, Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 472/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2023/QĐXX-DSST ngày 21 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2023/QĐST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 (tên viết tắt là V1); địa chỉ trụ sở chính: Tầng A, 2 Tòa nhà S - A P, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Tầng F, Tòa nhà P số B U, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Văn T – Giám đốc Thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ ô tô – Trung tâm quản lý nợ Ngân hàng B - Khối Ngân hàng bán lẻ V1 (Giấy uỷ quyền số: 107101.22 ngày 03-10-2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Q1).

Người được uỷ quyền lại: Ông Nguyễn Trường C; ông Lê Anh P; ông Đỗ Tấn P1, sinh năm 1988; Cùng địa chỉ: Tầng F, Tòa nhà P số B U, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản uỷ quyền ngày 21-10-2022). Ông P1 có mặt. Ông P, ông C vắng mặt.

Bị đơn: Bà Lê Ngọc Q, sinh năm 1999; Địa chỉ cư trú: Tổ A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 21 tháng 10 năm 2022, quá trình giải quyết vụ án, tại phiên toà nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và người đại diện hợp pháp của Ngân hàng trình bày:

Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 – chi nhánh T1 đã ký kết và giải ngân cho bà Lê Ngọc Q theo các hợp đồng tín dụng như sau:

Thứ nhất, Hợp đồng tín dụng số 1087067.20 ngày 07-7-2020: Bà Q vay của V1 số tiền nợ gốc: 456.000.000 (Bốn trăm năm mươi sáu triệu) đồng; Mục đích: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS. Lãi suất tại thời điểm giải ngân 9.4%/năm và được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng. Thời hạn vay 96 tháng, từ ngày 08-7-2020 đến 07-7-2028; Hoàn trả khoản vay gốc, lãi hàng tháng vào ngày 07 (trả gốc 4.750.000 đồng/tháng); ngày trả nợ đầu tiên 07-8-2020; Trả phí theo quy định của Ngân hàng; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Khoản vay này bà Q đã ký kết hợp đồng thế chấp số 9222837.20 ngày 07-7-2020 với Ngân hàng, tài sản thế chấp là xe ô tô biển số 70A-257.88, nhãn hiệu Toyota VIOS G, số máy 2NRX56254, số khung RL4B23F34L5087724, số loại VIOS G màu sơn trắng, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật. Ngân hàng đang giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 042154 do Phòng C1 Công an tỉnh T cấp ngày 06-7-2020 cho bà Lê Ngọc Q.

Tính đến ngày 09-6-2023 bà Q đã trả được nợ gốc 199.750.000 đồng, trả tiền lãi 92.043.300 đồng, ngưng trả tiền nợ gốc từ tháng 07-2022 và ngưng trả lãi từ tháng 9-2022. Dư nợ của hợp đồng này là 311.324.336 đồng, trong đó nợ gốc 256.250.000 đồng, nợ lãi trong hạn 0 đồng; nợ lãi quá hạn 55.074.336 đồng;

Thứ hai, Hợp đồng tín dụng số 9794304.20 ngày 01-12-2020: Bà Q vay của Ngân hàng số tiền nợ gốc: 371.000.000 (Ba trăm bảy mươi một triệu) đồng; Mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI ACCENT. Lãi suất tại thời điểm giải ngân 8.9%/năm và được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng. Thời hạn vay 96 tháng, từ ngày 02-01-2021 đến 02-12-2028; Hoàn trả khoản vay gốc, tiền lãi hàng tháng vào ngày 02 (trả gốc 3.864.000 đồng/tháng). Ngày trả nợ đầu tiên 02-01-2021; Trả phí theo quy định của Ngân hàng; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Bà Q đã ký kết hợp đồng thế chấp số 9198485.20 ngày 01-12-2020 với Ngân hàng, tài sản thế chấp là xe ô tô con biển số 70A-282.29, nhãn hiệu HUYNDAI, số máy G4LCLF710050, số khung RLUA141BALN044218, số loại ACENT màu sơn trắng. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật. Ngân hàng

đang giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 046794 do Phòng C1 Công an tỉnh T cấp ngày 26-11-2020 cho bà Lê Ngọc Q.

Tính đến ngày 09-6-2023 bà Q đã trả được nợ gốc 99.652.000 đồng, trả tiền lãi 53.982.358 đồng, ngưng trả tiền nợ gốc từ tháng 10-2022 và ngưng trả lãi từ tháng 8-2022. Dư nợ của hợp đồng này là: 323.559.374 đồng, trong đó nợ gốc là: 271.348.000 đồng, nợ lãi là trong hạn: 4.301.836 đồng, nợ lãi quá hạn là: 47.909.538 đồng;

Thứ 3, Hợp đồng tín dụng số 5161853.21 ngày 01-03-2021 với nội dung: Bà Q vay của Ngân hàng số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu) đồng để thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA INNOVA. Lãi suất tại thời điểm giải ngân 9.1%/năm và được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng. Thời hạn vay 84 tháng, từ ngày 02-03-2021 đến 01-03-2028; Hoàn trả khoản vay gốc, lãi hàng tháng vào ngày 30 (trả gốc 7.143.000 đồng/tháng); ngày trả nợ đầu tiên 30-03-2021; Trả phí theo quy định của Ngân hàng; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Bà Q đã ký kết hợp đồng thế chấp số 9804312.21 ngày 01-3-2021 với Ngân hàng, tài sản thế chấp là xe ô tô con biển số 70A-298.86, nhãn hiệu Toyota, số máy 1TRA823285, số khung RL4JW3EM9M3375195, số loại INNOVA 2.0E TGN màu sơn đồng, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật. Ngân hàng đang giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 70 002174 do Phòng C1 Công an tỉnh T cấp ngày 26-12-2021 cho bà Lê Ngọc Q.

Tính đến ngày 09-6-2023 bà Q đã trả được nợ gốc: 92.835.839 đồng, trả tiền lãi 59.91.360 đồng, ngưng trả tiền nợ gốc và trả lãi từ tháng 5-2022. Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 5161853.21 ngày 01-03-2021 là 624.460.263 đồng, trong đó nợ gốc 507.164.161 đồng, nợ lãi trong hạn 17.940.558 đồng, nợ lãi quá hạn 99.355.543 đồng).

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Lê Ngọc Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Tính đến ngày 09-6-2023, bà Lê Ngọc Q đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 598.164.857 đồng, còn nợ tổng số tiền là: 1.259.343.972 đồng.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 buộc bà Lê Ngọc Q trả cho Ngân hàng tính đến ngày 09-6-2023 với tổng số tiền là: 1.259.343.972 (Một tỷ hai trăm năm mươi chín triệu, ba trăm bốn mươi ba nghìn, chín trăm bảy mươi hai) đồng, trong đó nợ gốc 1.034.762.161 đồng, lãi trong hạn 22.242.394 đồng, lãi quá hạn: 202.339.417 đồng. Và tiếp tục tính lãi quá hạn kể từ ngày 10-6-2023 cho đến khi bà Lê Ngọc Q thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký trên.

Ngân hàng không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là 03 xe ô tô con gồm: Xe ô tô biển số 70A-257.88, nhãn hiệu Toyota VIOS G; xe ô tô biển số 70A-282.29, nhãn hiệu HUYNDAI và xe ô tô biển số 70A-298.86, nhãn hiệu Toyota theo các hợp đồng thế chấp đã ký kết với bà Q theo các Hợp đồng thế chấp đã ký kết với bà Q. Ngân hàng đồng ý trả lại 03 bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô nêu trên cho bà Lê Ngọc Q.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Ngọc Q đã được Toà án tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa làm việc, không nộp văn bản trình bày ý kiến nên Tòa án không ghi được lời trình bày.*

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, 95 Luật Tổ chức tín dụng; Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q1. Buộc bà Lê Ngọc Q phải thanh toán nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 09-6-2023 với tổng số tiền 1.259.343.972 (Một tỷ hai trăm năm mươi chín triệu, ba trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi hai) đồng, trong đó nợ gốc 1.034.762.161 đồng, nợ lãi trong hạn 22.242.394 đồng và tiền lãi quá hạn: 202.339.417 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật kể từ ngày 10-6-2023.

Ghi nhận Ngân hàng không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là 03 xe ô tô con gồm: Xe ô tô biển số 70A-257.88, nhãn hiệu Toyota VIOS G; xe ô tô biển số 70A-282.29, nhãn hiệu HUYNDAI và xe ô tô biển số 70A-298.86, nhãn hiệu Toyota theo các hợp đồng thế chấp đã ký kết với bà Q. Ngân hàng đồng ý trả lại 03 bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô nêu trên cho bà Lê Ngọc Q.

Dương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 yêu cầu bà Lê Ngọc Q có địa chỉ cư trú tại ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tây Ninh phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ các hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Do vậy xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” và Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Lê Ngọc Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xuyên suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án

tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn Lê Ngọc Q không đến Tòa làm việc, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ, văn bản trình bày ý kiến về vụ kiện nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định pháp luật.

[2.1] Xét các **hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 - chi nhánh T1 với bà Lê Ngọc Q cho thấy:**

+ *Đối với Hợp đồng tín dụng số 1087067.20 ngày 07-7-2020:* Bà Q vay của Ngân hàng số tiền nợ gốc 456.000.000 (Bốn trăm năm mươi sáu triệu) đồng, để thanh toán tiền mua 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS. Lãi suất tại thời điểm giải ngân 9.4%/năm và được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng. Thời hạn vay 96 tháng, từ ngày 08-7-2020 đến ngày 07-7-2028; Hoàn trả khoản vay gốc, lãi hàng tháng vào ngày 07 (trả gốc 4.750.000 đồng/tháng) bắt đầu trả nợ vào ngày 07-8-2020; Trả phí theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

+ *Đối với Hợp đồng tín dụng số 9794304.20 ngày 01-12-2020:* Bà Q vay của V1 số tiền nợ gốc: 371.000.000 (Ba trăm bảy mươi một triệu) đồng, để thanh toán tiền mua 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI ACCENT. Lãi suất tại thời điểm giải ngân 8.9%/năm và được điều chỉnh theo quy định lãi suất của Ngân hàng. Thời hạn vay: 96 tháng, từ ngày 02-01-2021 đến ngày 02-12-2028; Hoàn trả khoản vay gốc, lãi hàng tháng vào ngày 02 (trả gốc 3.864.000 đồng/tháng); ngày trả nợ đầu tiên 02-01-2021; Trả phí: theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

+ *Đối với Hợp đồng tín dụng số 5161853.21 ngày 01-03-2021 với nội dung:* Bà Q vay của Ngân hàng số tiền nợ gốc 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng, để thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA INNOVA. Lãi suất tại thời điểm giải ngân 9.1%/năm và được điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng. Thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày 02-03-2021 đến ngày 01-03-2028; Hoàn trả khoản vay gốc, lãi hàng tháng vào ngày 30 (trả gốc 7.143.000 đồng/tháng) bắt đầu trả nợ vào ngày 30-03-2021; Trả phí theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Các hợp đồng tín dụng nêu trên được ký kết giữa bà Q và Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 dựa trên sự tự nguyện của các bên, đảm bảo hình thức và nội dung, trình tự theo quy định pháp luật nên hợp pháp, có hiệu lực thi hành. Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng bà Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng như phía nguyên đơn trình bày. Ngân hàng tính toán tiền nợ của bà Q trên cơ sở số tiền vay, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn phù hợp với thỏa thuận của các bên trong các hợp đồng tín dụng đồng thời có khấu trừ số tiền bà Q đã thanh toán nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 09-6-2023, bà Lê Ngọc Q đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là **598.164.857** đồng (trong đó nợ gốc **392.237.839** đồng, nợ lãi **205.927.018** đồng) và còn nợ Ngân hàng tổng số tiền **1.259.343.972 đồng** đối với 03 hợp đồng tín dụng nêu trên.

Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc bà Lê Ngọc Q có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 với tổng số tiền **1.259.343.972 (Một tỷ hai trăm năm mươi chín triệu, ba trăm bốn mươi ba nghìn, chín trăm bảy mươi hai) đồng**, trong đó nợ gốc 1.034.762.161 đồng, lãi trong hạn 22.242.394 đồng, lãi quá hạn 202.339.417 đồng tính đến ngày 09-6-2023.

Ngoài ra theo án lệ 08/2016/Al ngày 17-10-2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bà Q còn phải chịu tiền lãi quá hạn kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10-6-2023) cho đến khi thanh toán xong số nợ gốc.

[2.2] Xét các hợp đồng thế chấp bà Q đã ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1- chi nhánh T1 để đảm bảo các khoản vay nêu trên gồm:

+ Một là, hợp đồng thế chấp số 9222837.20 ngày 07-7-2020, tài sản thế chấp là xe ô tô biển số 70A-257.88, nhãn hiệu Toyota VIOS G, số máy 2NRX56254, số khung RL4B23F34L5087724, số loại VIOS G màu sơn trắng. Ngân hàng đang giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 042154 do Phòng C1 Công an tỉnh T cấp ngày 06-7-2020 cho bà Lê Ngọc Q.

+ Hai là, hợp đồng thế chấp số 9198485.20 ngày 01-12-2020, tài sản thế chấp là xe ô tô biển số 70A-282.29, nhãn hiệu HUYNDAI, số máy G4LCLF710050, số khung RLUA141BALN044218, số loại ACENT màu sơn trắng. Ngân hàng đang giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 046794 do Phòng C1 Công an tỉnh T cấp ngày 26-11-2020 cho bà Lê Ngọc Q.

+ Ba là, hợp đồng thế chấp số 9804312.21 ngày 01-3-2021, tài sản thế chấp là xe ô tô biển số 70A-298.86, nhãn hiệu Toyota, số máy 1TRA823285, số khung RL4JW3EM9M3375195, số loại INNOVA 2.0E TGN màu sơn đồng. Ngân hàng đang giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 70 002174 do Phòng C1 Công an tỉnh T cấp ngày 26-12-2021 cho bà Lê Ngọc Q.

Tại đơn khởi kiện ngày 21-10-2022 và xuyên suốt quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 đều không yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp nêu trên và đồng ý trả lại cho bà Lê Ngọc Q 03 bản chính giấy đăng ký xe ô tô Ngân hàng đang giữ nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 được chấp nhận nên bà Lê Ngọc Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: $36.000.000 \text{ đồng} + 3\% \times (1.259.343.972 \text{ đồng} - 800.000.0000 \text{ đồng}) = 49.780.319 \text{ đồng}$, làm tròn số thành 49.780.000 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 số tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, 95 của Luật Tổ chức tín dụng; Án lệ 08/2016/AL ngày 17-10-2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bà Lê Ngọc Q.

1.1. Buộc bà Lê Ngọc Q có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 tổng số tiền **1.259.343.972 (Một tỷ hai trăm năm mươi chín triệu, ba trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi hai) đồng**, trong đó nợ gốc 1.034.762.161 đồng, lãi trong hạn 22.242.394 đồng, lãi quá hạn: 202.339.417 đồng **tính đến ngày 09-6-2023.**

Bà Lê Ngọc Q phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn đối với khoản tiền nợ gốc, kể từ ngày 10-6-2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 thì lãi suất mà bà Q phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1.

1.2. Ghi nhận Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là xe ô tô biển số 70A-257.88; xe ô tô biển số 70A-282.29; xe ô tô biển số 70A-298.86 theo các hợp đồng thế chấp Ngân hàng đã ký kết với bà Q số 9222837.20 ngày 07-7-2020; hợp đồng thế chấp số 9198485.20 ngày 01-12-2020; hợp đồng thế chấp số 9804312.21 ngày 01-3-2021.

Ghi nhận Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 đồng ý trả lại cho bà Lê Ngọc Q:

+ 01 (Một) bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 042154 do Phòng C1 Công an tỉnh T cấp ngày 06-7-2020 cho bà Lê Ngọc Q;

+ 01 (Một) bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 046794 do Phòng C1 Công an tỉnh T cấp ngày 26-11-2020 cho bà Lê Ngọc Q;

+ 01 (Một) bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 70 002174 do Phòng C1 Công an tỉnh T cấp ngày 26-12-2021 cho bà Lê Ngọc Q.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ngân hàng Thương mại cổ phần Q1 được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.464.529 (Hai mươi bốn triệu, bốn trăm sáu mươi bốn nghìn, năm trăm hai mươi

chín) đồng tại Biên lai thu số 0018073 ngày 20-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

+ Bà Lê Ngọc Q phải chịu 49.780.000 (Bốn mươi chín triệu, bảy trăm tám mươi nghìn) đồng tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-TAND tỉnh TN;
- VKSND H.Châu Thành;
- CCTHADS H.Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Thị Liên